

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 01/8/2023.
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Quý Quốc.

2/ Bà Bùi Thị Thu Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2023/QĐXX-ST ngày 12/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D1** - sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 297 ấp N, xã M, thành phố Q, Tiền Giang.

*** Bị đơn: Anh Phạm Văn D2** - sinh năm: 1970.

HKTT: Số 18/1 Lý Thường Kiệt, Phường P, thành phố Q, Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 297 ấp N, xã M, thành phố Q, Tiền Giang.

(Chị D1 vắng mặt, anh D2 có mặt)

NỘI D1 VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Phạm Thị D1 trình bày: Chị và D2 do quen biết và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5 vào ngày 18/7/1998. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống chung, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân 06 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Thuỳ D3, sinh năm 1999 và Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 23/11/2009. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung

tên Phạm Thị Thanh H và yêu cầu anh D2 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn D2 trình bày: Anh và chị D1 sống chung vào năm 1998, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5 vào ngày 18/7/1998. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống bên gia đình anh ở Phường 5. Đến năm 2001, anh và chị D1 về xã M sống chung với gia đình chị D1. Đến năm 2013, vợ chồng anh ra riêng cất nhà trên phần đất của mẹ chị D1 cho (chưa sang tên) tại ấp Mỹ Thạnh, xã M, thành phố Q. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị D1 đi làm có người nam thường xuyên đưa rước, anh có nói chuyện với chị D1, chị D1 cho rằng anh ghen tuông vô cớ nên hai vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mỗi người có cuộc sống riêng từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị D1 xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị D1, anh yêu cầu được đoàn tụ để cùng lo lắng cho các con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Thuỳ Dương, sinh năm 1999 và Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 23/11/2009. Hiện tại cháu H đang sống chung với anh chị. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D1, cháu H muốn sống với cha hay với mẹ anh đều tôn trọng. Nếu cháu H muốn sống với mẹ, anh tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Có ngôi nhà cấp bốn và các tài sản trong nhà. Nếu Tòa cho ly hôn, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa: Anh D2 không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị D1, anh D2 đề nghị Tòa án cho anh cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì anh vẫn còn tình cảm với chị D1.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội D1 xét thấy chị D1 yêu cầu được ly hôn với anh D2, tuy nhiên chị D1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn; trong khi đó anh D2 yêu cầu được đoàn tụ vì anh D2 xác định giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn. Do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị D1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D2, giải quyết vấn đề con chung của anh chị. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại ấp Mỹ Thạnh, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị D1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D1.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D1, Tòa xét thấy:

Chị D1 trình bày cuộc sống chung của anh chị mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân được 06 năm.

Anh D2 trình bày cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị D1 đi làm có người nam thường xuyên đưa rước, anh có nói chuyện với chị D1, chị D1 cho rằng anh ghen tuông vô cớ nên chị D1 không nói chuyện với anh, hai vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mỗi người có cuộc sống riêng từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị D1 xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị D1, anh đề nghị Tòa án cho anh cơ hội để hàn gắn tình cảm với chị D1, để anh chị cùng lo cho con chung.

Nhận thấy, chị D1 yêu cầu được ly hôn với anh D2, tuy nhiên chị D1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Trong khi đó anh D2 không đồng ý ly hôn, anh D2 đề nghị Tòa án cho anh D2 một cơ hội để hàn gắn tình cảm vì giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chị D1 cho rằng anh D2 ghen tuông vô cớ nên đã sống ly thân với anh D2 từ năm 2020, tuy nhiên anh chị vẫn sống chung một nhà. Xét thấy mặc dù anh chị đã ly thân từ năm 2020, tuy nhiên anh D2 rất có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị D1 được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của D1.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D1 nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị D1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm xét thấy phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D1 đối với anh Phạm Văn D2.

2. Án phí: Chị Phạm Thị D1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023810 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND Phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy